

Bản án số: 154/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn và ông Trần Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 404/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 514/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Yến P, sinh năm 1974. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú: số E T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang;

Địa chỉ liên lạc: Số B Tổ A, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng T, sinh năm 1975, (Vắng mặt)

Địa chỉ hộ khẩu: số E T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Số A Rạch M, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị Yến P, trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Yến P và ông Nguyễn Hùng T được mai mối, tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân. Đến ngày 22/02/2002, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23/MH/2002 ngày 22/02/2002. Sau khi kết

hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông T có người phụ nữ khác bên ngoài. Bà P đã nhiều lần khuyên răn nhưng ông T không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 5 năm 2024 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đông Phương T1, sinh ngày 01/12/1996 và Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 15/9/2001. Các con chung hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng T không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Yến P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Yến P tranh chấp về ly hôn với ông Nguyễn Hùng T, tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Hùng T có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hùng T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, bà Võ Thị Yến P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà Võ Thị Yến P và ông Nguyễn Hùng T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1.1] Bà Võ Thị Yến P và ông Nguyễn Hùng T do mai mối, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23/MH/2002 ngày 22/02/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà Võ Thị Yến P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hùng T. Bà Võ Thị Yến P cho rằng trong quá trình chung sống ông Nguyễn Hùng T có người phụ nữ khác bên ngoài. Bà P đã nhiều lần khuyên răn nhưng ông T không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 5 năm 2024 đến nay.

[3.1.2] Hội đồng xét xử xét: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hùng T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Yến P; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham dự các phiên tòa. Điều này thể hiện ông Nguyễn Hùng T không muốn đoàn tụ gia đình. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Yến P là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà Võ Thị Yến P và ông Nguyễn Hùng T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đông Phương T1, sinh ngày 01/12/1996 và Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 15/9/2001. Hiện nay hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Yến P không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông Nguyễn Hùng T cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Yến P có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Yến P. Bà Võ Thị Yến P được ly hôn với ông Nguyễn Hùng T.

2/ Về con chung: Không xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Yến P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002284 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà Võ Thị Yến P đã thực hiện xong.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Yến P và ông Nguyễn Hùng T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lan